

Bản án số: 112/2023/HS-PT
Ngày: 30-3-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán:

Ông **Phạm Văn Hợp**

Ông **Phạm Tồn.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Đặng Thọ Định** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30-3-2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 521/2022/TLPT-HS ngày 01-11-2022 đối với bị cáo **Nguyễn Tấn K** cùng đồng phạm. Do có kháng cáo của các bị cáo, của đại diện hợp pháp của bị cáo và của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2022/HSST ngày 03-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Các bị cáo kháng cáo, bị kháng cáo:

1. Nguyễn Tấn K, sinh ngày 27-01-2003, tại Khánh Hòa; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Tổ dân phố N 3, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam trình độ văn hóa: 04/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông (không rõ cha) và bà Nguyễn Thị T;

Tiền sự:

Ngày 07-8-2020, Công an thị xã N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1299/QĐ-XPHC về hành vi ném chai thủy tinh có chứa xăng vào người khác.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hữu T, sinh ngày 10-3-2004, tại Khánh Hòa; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Hữu H và bà Lê Thị N;

Tiền sự:

Ngày 07-8-2020, Công an thị xã N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính

số 1308/QĐ-XPHC về hành vi ném chai thủy tinh có chứa xăng vào người khác.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Võ T1, sinh ngày 14-7-2004, tại Khánh Hòa; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Tổ dân phố N 3, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Võ T và bà Nguyễn Thị M;

Tiền sự:

Ngày 07-8-2020, Công an thị xã N ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1304/QĐ-XPHC về hành vi ném chai thủy tinh có chứa xăng vào người khác.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Đức N, sinh ngày 10-8-2004, tại Khánh Hòa; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Tổ dân phố N 2, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Lê Đức H và bà Trần Thị Tuyết V; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Thế C, sinh ngày 16-01-2004, tại Khánh Hòa; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Tổ dân phố N 3, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Thế N và bà Nguyễn Thị Kim Đ; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Bị hại kháng cáo:

1. Anh Đỗ Quang H, sinh năm 2002; địa chỉ cư trú: thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

2. Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1999; địa chỉ cư trú: thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Đức N:

Ông **Lê Đức H**, sinh năm 1969 và bà **Trần Thị Tuyết Vi**, sinh năm 1972 (là cha, mẹ của bị cáo); địa chỉ cư trú: Tổ dân phố N 2, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, đều có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Tấn K, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Võ T1, Lê Đức N và Nguyễn Thế C:

Luật sư **Đặng Văn P** - Văn phòng luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6-2020, Nguyễn Văn Đ cùng nhóm bạn đánh Nguyễn Tấn K, nên dẫn đến mâu thuẫn. Khoảng 20 giờ ngày 09-12-2020, K cùng Nguyễn Hữu T, Lê Đức N, Nguyễn Võ T1 và Nguyễn Thế C đi ăn cá viên chiên tại chợ N 2, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa thì gặp Đ và Đỗ Quang H cũng vào ăn cá viên chiên. Do nhớ lại việc Đ đánh K, nên K rủ cả nhóm đánh Đ trả thù, nhóm đồng ý. K nói N, C, T1 ở tại quán đợi, còn T lấy xe máy chở K về nhà K lấy 01 cây rựa dài 130 cm và 01 cây phản dài 121 cm. Lúc này, Đ chở H qua quán nước mía gần quán cá viên chiên để mua nước mía. Sau khi lấy được hung khí T, K quay lại quán cá viên chiên. Thấy Đ, H đang đứng trước quán nước mía T dùng xe cầm rựa, K cầm cây phản xông đến, đồng thời C, T1, N cũng chạy đến. N nhặt đá ném trúng vào đầu H, T1 cũng nhặt đá ném trúng vào đầu Đ, làm Đ ngã xuống đường. T cầm rựa xông vào chém 01 nhát vào vùng cổ của Đ, còn K cầm phản cùng T1, N dùng tay, chân đấm, đá vào người Đ, sau đó K quay sang dùng phản chém 01 nhát vào tay trái H. Do nhiều người trong quán nước mía can ngăn, nên nhóm K lấy xe bỏ đi, còn Đ, H được người dân đưa đi cấp cứu, điều trị tại Bệnh viện N và Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa. Đến ngày 15-12-2020, Đ xuất viện, ngày 22-12-2020, H xuất viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 44/TgT -TTPY ngày 29-01-2021, T tâm Pháp y tỉnh Khánh Hòa xác định thương tích của Đỗ Quang H:

- Vùng cằm có 02 vết sẹo kích thước trung bình; tỷ lệ thương tật 04%.
- Vùng 1/3 dưới cằm - cổ bàn tay trái có 01 vết sẹo kích thước trung bình; tỷ lệ thương tật 02%.
- Vết thương vùng 1/3 dưới cằm - cổ bàn tay trái gây tổn thương hỗn hợp: Mạch máu, thần kinh, Xương, cơ cằm trái; tỷ lệ thương tật **50%**.

Kết luận tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là **53%**.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 43/TgT-TTPY ngày 29-01-2021, T tâm Pháp y tỉnh Khánh Hòa xác định thương tích của Nguyễn Văn Đ:

- Vùng cằm có 01 vết sẹo kích thước nhỏ; tỷ lệ thương tật 01%.
- Vùng cổ phải có 01 vết sẹo kích thước nhỏ; tỷ lệ thương tật 02%.

Kết luận tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là **03%**.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2022/HS-ST ngày 03-8-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa:

1. Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123, các điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57; Điều 101 và Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Tấn K 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2. Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57; Điều 101 và Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Hữu T 06 (sáu) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3. Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57; Điều 101 và Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Võ T1 06 (sáu) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

4. Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57; Điều 54; Điều 101 và Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Lê Đức N 05 (năm) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

5. Căn cứ các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57; Điều 54; Điều 101 và Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Thế C 04 (bốn) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 06-8-2022, bị cáo Nguyễn Thế C kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 07-8-2022, bị cáo Nguyễn Hữu T kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 08-8-2022, bị cáo Lê Đức N kháng cáo xin giảm hình phạt; ông Lê Đức H và bà Trần Thị Tuyết Vi (là người đại diện hợp pháp của bị cáo N) kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo N.

- Ngày 08-8-2022, bị hại là các anh Đỗ Quang H và Nguyễn Văn Đ kháng cáo xin giảm hình phạt cho các bị cáo.

- Ngày 09-8-2022, bị cáo Nguyễn Tấn K kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 10-8-2022, bị cáo Nguyễn Võ T1 kháng cáo xin hưởng án treo.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Tấn K, Nguyễn Hữu T, Lê Đức N và Nguyễn Thế C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Nguyễn Võ T1 kháng cáo xin hưởng án treo; người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Đức N kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo N; bị hại là các anh Nguyễn Văn Đ và Đỗ Quang H kháng cáo xin giảm hình phạt cho tất cả các bị cáo. Đ kháng cáo của các bị cáo, của đại diện hợp pháp của bị cáo và của các bị hại là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Đức N và các bị hại giữ nguyên nội dung kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao

tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, của đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Đức N và của các bị hại; giữa nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo và các bị cáo tranh luận công khai; nói lời sau cùng, các bị cáo Nguyễn Tấn K, Nguyễn Hữu T, Lê Đức N và Nguyễn Thế C đề nghị được giảm hình phạt; bị cáo Nguyễn Võ T1 đề nghị được hưởng án treo.

[2]. Xét kháng cáo của bị cáo, của đại diện hợp pháp của bị cáo và của các bị hại:

[2.1]. Về tội danh:

Khoảng 20 giờ ngày 09-12-2020, tại Tổ dân phố N 2, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, Nguyễn Tấn K, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Võ T1, Lê Đức N và Nguyễn Thế C đã sử dụng rựa, phản, đá đánh, chém, ném vào vùng đầu, cổ, tay của anh Đỗ Quang H và anh Nguyễn Văn Đ; hậu quả, anh Đỗ Quang H bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 53%, anh Nguyễn Văn Đ bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể 3%.

Hành vi của các bị cáo là dùng hung khí nguy hiểm (rựa, phản, đá) trực tiếp tấn công vào vùng trọng yếu (đầu, cổ) của các bị hại, làm cho các bị hại bị tổng tổn thương cơ thể là 56%, do đó đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” với lỗi cố ý gián tiếp. Chỉ vì mâu thuẫn rất nhỏ trước đó, các bị cáo đã sử dụng hung khí nguy hiểm đánh, chém và ném vào đầu, cổ của các bị hại. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “Giết người” theo các điểm a, n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Mặc dù, các bị cáo đều là người chưa thành niên, nhưng cũng đủ nhận thức để đánh giá và phân biệt được việc làm của mình, biết rõ tính mạng của con người được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đến tính mạng của người khác sẽ bị xử lý nghiêm khắc, nhưng chỉ do mâu thuẫn nhỏ các bị cáo đã đánh, chém các bị hại; hậu quả các bị hại không chết là do được mọi người can ngăn và được đưa đi cấp cứu kịp thời.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, không phân công nhiệm vụ cụ thể, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và hậu quả của vụ án để có mức hình phạt cụ thể đối với từng bị cáo.

- Đối với Nguyễn Tấn K:

Giữa bị cáo và các bị hại chỉ có mâu thuẫn nhỏ trước đó, nhưng bị cáo đã rủ rê, lôi kéo các bị cáo khác thực hiện hành vi phạm tội. Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người thực hành tích cực nhất, thương tích của bị hại chủ yếu do bị cáo gây ra, nên bị cáo giữ vai trò đầu vụ.

- Đối với Nguyễn Hữu T:

Sau khi được Nguyễn Tấn K rủ đánh nhau, bị cáo đã đồng ý và điều khiển xe mô tô chở K đi lấy hung khí. Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người thực hành tích

cực, dùng rựa chém gây thương tích cho anh Nguyễn Văn Đ, nên bị cáo giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

- Đối với Nguyễn Vũ T1, Lê Đức N và Nguyễn Thế C:

Sau khi được K rủ đánh nhau, các bị cáo đã đồng ý. Khi thực hiện hành vi, bị cáo T1 dùng đá ném vào đầu của bị hại Nguyễn Văn Đ, N dùng đá ném vào đầu của bị hại Đỗ Quang H, nên hành vi của N và T1 có mức độ nguy hiểm là tương đương nhau, còn C chỉ dùng chân, tay tham gia đánh bị hại nên mức độ nguy hiểm của hành vi thấp hơn.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tính mạng, sức khỏe của người khác, mà còn gây nhiều dư luận xấu trong nhân dân, làm mất trật tự, trị an địa phương, nên cần xử phạt các bị cáo hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi và hậu quả mà các bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại và được các bị hại xin giảm hình phạt; các bị cáo đều là người chưa thành niên; phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt; gia đình các bị cáo đều có hoàn cảnh khó khăn. Do đó, khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá vai trò, xem xét hành vi và hậu quả của vụ án từ đó xử phạt Nguyễn Tấn K 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Võ T1 cùng 06 (sáu) năm tù, Lê Đức N 05 (năm) năm tù và Nguyễn Thế C 04 (bốn) năm tù là thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội.

Mặc dù, tại phiên tòa phúc thẩm, Lê Đức N và đại diện hợp pháp của bị cáo xuất trình tài liệu, trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn; Nguyễn Võ T1 cung cấp Giấy xác nhận có bà nội là người có công cách mạng; Nguyễn Thế C có ông nội là người có công với cách mạng; các bị hại giữ nguyên kháng cáo đề nghị giảm hình phạt cho các bị cáo. Các nội dung này được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội với hai tình tiết định khung là “Giết nhiều người” và có “Tính chất côn đồ”, nhân thân của các bị cáo Nguyễn Tấn K, Nguyễn Hữu T và Nguyễn Võ T1 không tốt, đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi xâm phạm trật tự xã hội; do đó, việc cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định là điều cần thiết; có như vậy, mới đủ tác dụng để giáo dục cải tạo, giáo dục các bị cáo, cũng như ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không giảm hình phạt cho các bị cáo.

Như vậy, kháng cáo của các bị cáo, của người đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Đức N và của các bị hại đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Các vấn đề khác:

Sau khi xét xử sơ thẩm, đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thế C là ông Nguyễn Thế Ngọc, bà Nguyễn Thị Kim Đa; đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Võ T1 là ông Nguyễn Võ Thắm, bà Nguyễn Thị Mười; đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hữu T là ông Nguyễn Hữu Hiếu, bà Lê Thị Nhung gửi Đ khiếu nại đến

Chánh án Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà, nhưng trong đơn, các ông (bà) trình bày nội dung kháng cáo bản án sơ thẩm, đều xin giảm hình phạt cho các bị cáo. Nội dung này giống với nội dung với kháng cáo của các bị cáo và đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, do đó không đề cập giải quyết.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo kháng cáo không được chấp nhận, nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Đức H, bà Trần Thị Tuyết Vi không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tấn K, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Võ T1, Lê Đức N và Nguyễn Thế C.

- Không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị cáo Lê Đức N là ông Lê Đức H và bà Trần Thị Tuyết Vi.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị hại là anh Đỗ Quang H và anh Nguyễn Văn Đ.

- Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2022/HS-ST ngày 03-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hoà về phần Trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Tấn K, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Võ T1, Lê Đức N, Nguyễn Võ T1 và Nguyễn Thế C.

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123, các điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57; Điều 101 và Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Tấn K 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.2. Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57; Điều 101 và Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Hữu T 06 (sáu) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.3. Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57; Điều 101 và Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Võ T1 06 (sáu) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.4. Áp dụng các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57; Điều 54; Điều 101 và Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Lê Đức N 05 (năm) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

2.5. Căn cứ các điểm a, n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 15, khoản 3 Điều 57; Điều 54; Điều 101 và Điều 102 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

Nguyễn Thế C 04 (bốn) năm tù về tội “Giết người”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a, b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nguyễn Tấn K, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Võ T1, Lê Đức N, Nguyễn Thế C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Ông Lê Đức H, bà Trần Thị Tuyết Vi không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Khánh Hoà;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Các bị hại (theo địa chỉ);
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hoà;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hoà;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường